

CHÍNH PHỦ
Số: 12/2000/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 5 tháng 5 năm 2000

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

*Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng
ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ*

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ như sau:

1. Khoản 1, khoản 2 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Tùy theo tính chất của dự án và quy mô đầu tư, dự án đầu tư trong nước được phân loại thành 3 nhóm: A, B, C để phân cấp quản lý. Đặc trưng của mỗi nhóm được quy định trong Phụ lục, có sửa đổi về mức vốn nhóm A, B ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Đối với các dự án nhóm A gồm nhiều dự án thành phần hoặc tiểu dự án, trong đó nếu từng dự án thành phần hoặc tiểu dự án có thể độc lập vận hành, khai thác và thực hiện theo phân kỳ đầu tư được ghi trong văn bản phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì mỗi dự án thành phần hoặc tiểu dự án được thực hiện giai đoạn chuẩn bị đầu tư, từ khâu lập, trình duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi và quản lý quá trình thực hiện đầu tư như một dự án đầu tư độc lập.

2. Điểm c khoản 2 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

c) Chủ trì cùng với Bộ, ngành, địa phương thẩm định thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán các dự án đầu tư và xây dựng thuộc nhóm A để cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trừ các dự án nhóm A thuộc các Bộ, ngành có xây dựng chuyên ngành thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Nghị định này.

Thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, theo dõi, kiểm tra, phát hiện và kiến nghị xử lý chất lượng các công trình xây dựng; đặc biệt về chất lượng các công trình xây dựng thuộc các dự án nhóm A.

3. Bổ sung khoản 6; khoản 1, khoản 2 Điều 9 được sửa đổi như sau:

1. Vốn để lập các dự án quy hoạch bao gồm vốn điều tra, khảo sát, nghiên cứu, lập và xét duyệt dự án quy hoạch.

2. Vốn để lập các dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng, lãnh thổ, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung đô thị và nông thôn, quy hoạch chi tiết các trung tâm đô thị, quy hoạch chi tiết sử dụng đất đai được sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và được cân đối trong kế hoạch đầu tư hàng năm của Nhà nước.

6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định cuối cùng các loại dự án quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, vùng kinh tế trọng điểm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Điểm d, đ khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

d) Vốn thuộc các khoản vay nước ngoài của Chính phủ và các nguồn viện trợ quốc tế dành cho đầu tư phát triển (kể cả vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA) được quản lý thống nhất theo mục b khoản 2 Điều 21 của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước. Cơ quan bố trí các nguồn vốn trên cho các dự án đầu tư phát triển phải bố trí đủ vốn đối ứng trong nước để đảm bảo thực hiện dự án.

Bỏ điểm đ khoản 1.

c) Tổng cục trưởng, Cục trưởng trực thuộc Bộ; Tư lệnh các Quân khu, Quân đoàn, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc Phòng có thể được Bộ trưởng ủy quyền quyết định đầu tư các dự án nhóm C;

5. Điều 11 được sửa đổi như sau:

1. Chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước: chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư và trả nợ vốn vay đúng hạn; tổ chức cho vay chịu trách nhiệm thẩm định phương án tài chính, phương án trả nợ và cung ứng vốn, giám sát thực hiện vốn vay đúng mục đích và thu hồi vốn vay. Đối với các dự án sử dụng vốn vay nước ngoài do Nhà nước bảo lãnh, chủ đầu tư còn phải thực hiện các cam kết khi vay vốn theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án của doanh nghiệp nhà nước sử dụng vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh và vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng) và khoản 4 Điều 1 Nghị định này.

Hội đồng quản trị các Tổng công ty nhà nước được quyền quyết định đầu tư các dự án nhóm C. Riêng các Tổng công ty Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (Tổng công ty 91), Hội đồng quản trị của Tổng công ty được quyền quyết định đầu tư các dự án nhóm B, C.

3. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án đã được phân cấp được quyền quyết định các công việc trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của pháp luật.

Tổ chức cho vay vốn theo dõi và kiểm tra thực hiện đầu tư theo quyết định đầu tư và thực hiện quyết toán vốn đầu tư.

6. Điều 12 được sửa đổi như sau:

Thẩm quyền quyết định đầu tư và thực hiện đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước được quy định như sau:

1. Đối với các dự án nhóm A, thẩm quyền quyết định đầu tư và thực hiện đầu tư được áp dụng theo quy định đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

2. Đối với các dự án nhóm B,C, doanh nghiệp nhà nước căn cứ vào quy hoạch hoặc kế hoạch phát triển ngành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để quyết định đầu tư; nếu dự án có sử dụng đất thì phải được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền của địa phương nơi xin đất chấp thuận về địa điểm, diện tích đất của dự án và làm thủ tục giao đất hoặc thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Quá trình thực hiện đầu tư do doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm trên cơ sở thực hiện đúng các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng, quy chế đấu thầu.

Tổ chức quản lý vốn của doanh nghiệp và các tổ chức hỗ trợ vốn cho dự án chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện quyết định đầu tư và thực hiện quyết toán vốn đầu tư.

3. Dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước là các dự án: có sử dụng một phần vốn hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước hoặc vốn có nguồn gốc từ ngân sách, vốn do doanh nghiệp tự tích lũy, vốn tín dụng thương mại để đầu tư phát triển; quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính (bù đắp tổn thất tài sản), quỹ phúc lợi (đầu tư các công trình phúc lợi); vốn khấu hao tài sản cố định và các khoản thu của Nhà nước để lại cho doanh nghiệp để đầu tư.

Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ liên quan hướng dẫn cụ thể việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước như vốn khấu hao tài sản cố định thuộc nguồn vốn nhà nước, một phần quỹ đầu tư phát triển, các khoản doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước cho phép để lại .

7. Điều 13 được sửa đổi như sau:

1. Các dự án sản xuất kinh doanh của tư nhân, tổ chức kinh tế không phải doanh nghiệp nhà nước, chủ đầu tư tự quyết định đầu tư và chịu trách nhiệm về hiệu quả sản xuất, kinh doanh; thủ tục xin giao đất hoặc thuê đất, thủ tục xin giấy phép xây dựng quy định như sau:

a) Đối với các dự án đầu tư có yêu cầu giao đất hoặc thuê đất thì chủ đầu tư phải có đơn đề nghị kèm theo dự án đầu tư sản xuất kinh doanh đã được chấp nhận trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trình Ủy

ban nhân dân cấp có thẩm quyền của địa phương nơi xin đất để được chấp thuận về địa điểm, diện tích đất của dự án và làm thủ tục giao đất hoặc thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Các dự án đầu tư và xây dựng đã có quyền sử dụng đất đai hợp pháp, nếu không có yêu cầu xin giao đất hoặc thuê đất thì chủ đầu tư không phải làm thủ tục xin giao đất hoặc thuê đất mà chỉ cần xin giấy phép xây dựng.

Tổng cục Địa chính hướng dẫn chi tiết thủ tục xin giao đất hoặc thuê đất.

b) Việc lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền để xin cấp giấy phép xây dựng thực hiện theo quy định của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.

2. Các dự án của cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế và cơ quan nước ngoài khác đầu tư xây dựng trên đất Việt Nam được quản lý theo hiệp định hoặc thoả thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam và chủ đầu tư phải lập hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng theo quy định của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.

3. Đối với các dự án sử dụng vốn góp của nhiều thành viên, căn cứ vào tỷ lệ vốn góp và đặc điểm của dự án, các thành viên thoả thuận xác định chủ đầu tư, phương thức quản lý, tổ chức điều hành dự án.

8. Điểm b khoản 1 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

b) Đối với cơ quan hành chính, sự nghiệp thì người có thẩm quyền quyết định đầu tư không kiêm nhiệm chủ đầu tư.

Cơ quan hành chính, sự nghiệp chỉ được làm chủ đầu tư dự án xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của cơ quan mình.

Đối với doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (Tổng công ty 91), Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể ủy quyền cho giám đốc các đơn vị thành viên quyết định đầu tư các dự án nhóm C sử dụng nguồn vốn quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 1 của Nghị định này.

9. Điểm a khoản 2 Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Những dự án nhóm A đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và cho phép phân ra các dự án thành phần hoặc tiểu dự án thì những dự án thành phần hoặc tiểu dự án đó được lập báo cáo nghiên cứu khả thi, trình duyệt và quản lý dự án như một dự án đầu tư độc lập.

10. Điều 27 được bổ sung khoản 3 như sau:

3. Cơ quan tổ chức thẩm định dự án đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thẩm định của mình và trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư báo cáo thẩm định, các hồ sơ cần thiết, kèm theo dự thảo quyết định đầu tư.

11. Điều 35 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Đối với các dự án đầu tư và xây dựng có tính chất sản xuất, kinh doanh, chủ đầu tư chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân địa phương để thống nhất phương án đền bù, kế hoạch giải phóng mặt bằng, kinh phí,